

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ**

Số: 978/UBND-NV

V/v triển khai Quyết định
số 355/QĐ-UBND ngày
tỉnh Gia Lai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Khê, ngày 08 tháng 8 năm 2018

Kính gửi:

- Các cơ quan, đơn vị thuộc thị xã;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh Gia Lai về Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai, nhằm nâng cao chất lượng công tác CCHC, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã, UBND thị xã chỉ đạo như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường quán triệt, triển khai thực hiện nội dung Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan chuyên môn thuộc thị xã tham mưu UBND thị xã triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo lĩnh vực đơn vị mình phụ trách toàn thị xã (theo Bảng 2 Chỉ số CCHC của UBND các huyện, thị xã, thành phố).

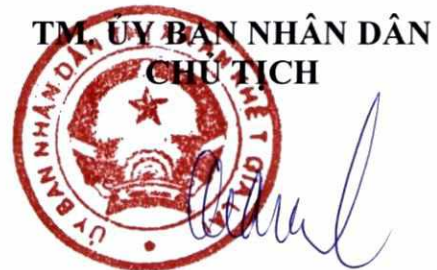
Lưu ý: Các cơ quan cần bám sát các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC theo Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh, đảm bảo việc triển khai, ban hành các văn bản liên quan đến công tác CCHC theo đúng yêu cầu đặt ra, tránh để mất điểm do không có tài liệu kiểm chứng.

3. Đài Truyền thanh - Truyền hình thị xã có trách nhiệm đưa tin, tuyên truyền Quyết định 355/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của UBND tỉnh.

UBND thị xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện. / *all*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị Ủy;
- TT HĐND thị xã;
- Công TTĐT thị xã;
- Lưu: VT, NV. *all*



Nguyễn Hùng Vỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 355/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh
và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

UBND THỊ XÃ AN Khê
Số: 5181
Ngày: 30/7/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số: Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại văn bản số 826/SNV-CCHC ngày 29/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh ban hành “Bộ Chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố”.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

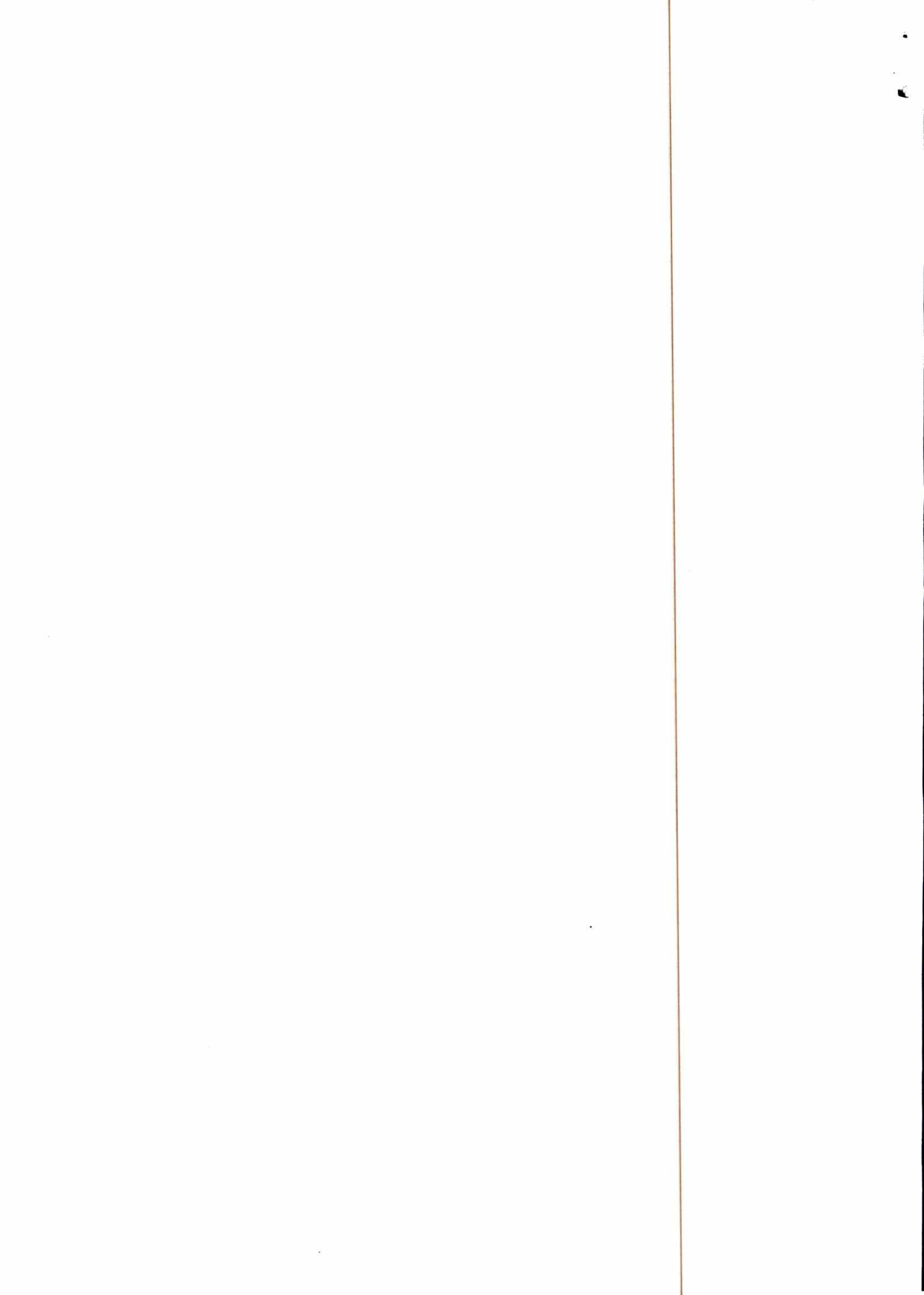
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (vụ CCHC);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh (b/c);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCHC, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Ngọc Thành



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25						
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 1						
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2					
1.3.1	Tỷ lệ các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc được kiểm tra trong năm	1					
	Từ 30% số đơn vị trở lên: 1						
	Dưới 30% số đơn vị: 0						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1					
	Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ UBND tỉnh giao trong kế						



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	2	3	4	5	6	7	8	
	hoạch tuyên truyền CCHC của tỉnh trong năm: 0.5							
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5							
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc UBND tỉnh giao	1						
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1							
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5							
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0							
1.6	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả trong công tác CCHC của tỉnh	1						
	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới: 1							
	Không đề xuất: 0							
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LẬP TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	6						
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3						
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1						
	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25							
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5						
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch TDTHPL	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
2.1.3	Xử lý kết quả TDTHPL	1					
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1						
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0						
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1.5					
	100% số văn bản được tham mưu xử lý/kiến nghị xử lý: 1.5						
	Dưới 100% số văn bản được tham mưu xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1.5					
	Từ 100% số văn bản được tham mưu xử lý/kiến nghị xử lý: 1.5						
	Dưới 100% số văn bản được tham mưu xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
3*	CÁI CÁCH TTHC (TTHC)	17.5					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
		3	4	5	6	7	8	
3.1	Rà soát, đánh giá TTHC	3						
3.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của cơ quan, đơn vị	1						
	Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 1							
	Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0							
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	1						
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
	Hoàn thành từ 70% - 100% kế hoạch: 0.5							
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0							
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	1						
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 1							
	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5							
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
3.2	Công bố, công khai TTHC	2.5					
3.2.1	Trình UBND tỉnh công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các đơn vị, địa phương	1					
	<i>Đầy đủ, kịp thời theo quy định: 1</i>						
	<i>Không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0</i>						
3.2.2	Niên yết, công khai danh mục TTHC được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận Một cửa)	1					
	<i>Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.5</i>						
	<i>Hộp thư góp ý: 0.5</i>						
3.2.3	Công khai TTHC trên Công/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	0.5					
	<i>100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5</i>						
	<i>Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</i>						
3.3	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan,	1					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	3	4	5	6	7	8	
đơn vị được thực hiện theo cơ chế một cửa							
100% số TTHC: 1							
Dưới 100% số TTHC: 0							
3.4	2						
Tỷ lệ hồ sơ TTHC do cơ quan, đơn vị tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn							
100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 2							
Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1							
Từ 70% - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.5							
Dưới 70% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0							
3.5	2.5						
Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị							
3.5.1	0.5						
Bổ trí công chức; thực hiện chế độ phụ cấp; đồng phục và đeo thẻ công chức đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định							
Thực hiện đúng theo quy định: 0.5							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<i>Không thực hiện đúng theo quy định: 0</i>						
3.5.2	Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	<i>Đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin: 1</i>						
	<i>Không đáp ứng: 0</i>						
3.5.3	Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử	1					
	<i>100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 1</i>						
	<i>Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 0</i>						
3.6	<i>Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc</i>	2					
	Thực hiện đúng các biểu mẫu, số quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1					
	<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>						
	<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>						
3.6.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, số quản lý hồ	0.5					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	2	3	4	5	6	7	8	
	sơ (hoặc phần mềm theo dõi)							
	Đầy đủ, chính xác: 0.5							
	Chưa đầy đủ, chính xác: 0							
3.6.3	Tiếp nhận đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã niêm yết, công khai	0.5						
	Thực hiện đúng quy định: 0.5							
	Thực hiện không đúng quy định: 0							
3.7	Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	1						
	100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1							
	Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0							
3.8	Trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5						
3.8.1	Hoàn thiện quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5						
	Kịp thời rà soát các quy định và hoàn thiện quy chế của							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	<i>cơ quan, đơn vị: 0.5</i>						
	<i>Không thực hiện: 0</i>						
3.8.2	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát	1					
	<i>Thực hiện đầy đủ: 1</i>						
	<i>Không thực hiện đầy đủ: 0</i>						
3.9	<i>Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc</i>	2					
3.9.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1					
	<i>Niem yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 1</i>						
	<i>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0</i>						
3.9.2	Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị	1					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Điểm đạt được	Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH			
	2 và các đơn vị trực thuộc 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 1 Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0	3	4	5	6	7	8	
4	CÀI CÁCH TỒ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6.5						
4.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc	2.5						
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc Thực hiện đúng quy định: 1 Thực hiện chưa đúng quy định: 0	1						
4.1.2	Hoàn thiện quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc Có quy chế làm việc phù hợp với quy định pháp luật và hiện trạng cơ cấu tổ chức, nhân sự: 0.5 Có quy chế làm việc nhưng phân công trách nhiệm lãnh đạo chưa rõ: 0.25	0.5						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Không thực hiện: 0						
4.1.3	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương tại các cơ quan, đơn vị	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện không đúng quy định: 0						
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	3					
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0						
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh	1					
	Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1						
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0						
4.2.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tinh giản biên chế của cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Điểm đạt được	Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH				
	Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0	3	4	5	6	7	8		
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Trung ương và UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị	1							
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1								
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0								
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	6.5							
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2							
5.1.1	Cơ quan, đơn vị bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1							
	Không có tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 1								
	Còn tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 0								
5.1.2	Đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1							
	Đã xây dựng Đề án điều chỉnh, tinh giản vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 0.25								

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1.	2	3	4	5	6	7	8
	80% đơn vị đã hoàn thiện mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt: 0.5						
	Bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0.25						
	Bổ trí viên chức chưa đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0						
5.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc sở và tương đương tại các cơ quan, đơn vị	1					
	100% số lãnh đạo được bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại đúng quy định: 1						
	Dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm, bỏ nhiệm lại đúng quy định: 0						
5.3	Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm sau khi có kết luận vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền	1					
	Xử lý, khắc phục kịp thời: 1						
	Xử lý, khắc phục chưa kịp thời: 0						
5.4	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.5					
5.4.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức,	0.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Điểm đạt được	Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH			
2	3	4	5	6	7	8	
viên chức và báo cáo đúng thời gian quy định							
Thực hiện đúng quy định: 0.5							
Không thực hiện đúng quy định: 0							
5.4.2	1						
Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức							
Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5							
Trong năm không có công chức, viên chức làm việc tại các đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5							
5.5	1						
Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVN của cơ quan, đơn vị							
Hoàn thành 100% kế hoạch: 1							
Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5							
Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0							
6	4.5						
CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	1						
6.1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
-	<p>100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công;</p> <p>1</p> <p>Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0</p> <p>Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 115/2007/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP</p> <p>100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1</p> <p>Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 0</p>	1					
6.2	<p>Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh</p>	1					
6.3							



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	2	3	4	5	6	7	8	
	Không đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1							
	Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0							
6.4	Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm	1						
	Thực hiện đúng thời gian quy định: 1							
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0							
6.5	Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính	0.5						
	Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0.5							
	Không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0							
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	13						
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của cơ quan, đơn vị	3						
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1						
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,00}{100\%} \right]$							
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và được ký chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ	1					
	100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 1						
	Từ 90% - dưới 100% văn bản (trừ văn bản Mật): 0.5						
	Dưới 90% số văn bản: 0						
7.1.3	Chất lượng Công/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị	1					
	Thông tin kịp thời, đầy đủ: 1						
	Thông tin không kịp thời, không đầy đủ: 0						
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.5					
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5					
	Từ 80% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5						
	Từ 60% - dưới 80% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.25						
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0						
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế:				Điểm đạt được	Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH			
	2	3	4	5	6	7	8	
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
	Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.5							
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0							
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1						
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
	Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0.5							
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0							
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	3						
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1						
	Từ 70% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1							
	Từ 50% - dưới 70% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.5							
	Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0							
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1						
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
	Dưới 10% thì điểm tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1,00}{10^{26}} \right]$							
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 1						
	Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00) / (15\%)]$						
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	4.5					
7.4.1	Thực hiện triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại tất cả các phòng, ban chuyên môn thuộc cơ quan, đơn vị	1					
7.4.2	Thực hiện việc công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của cơ quan, đơn vị	0.5					
7.4.3	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào hoạt động, gồm 4 hoạt động: + Ban hành mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ theo quy trình đánh giá nội bộ đã xây dựng: 0,25; + Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tiến hành xem xét của lãnh đạo hàng năm: 0,25.	1					
7.4.4	Việc kiểm soát, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008	1					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Điểm đạt được	Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH				
	<p>2</p> <p>Thực hiện đầy đủ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cập nhật quy trình giải quyết TTHC, kể từ khi văn bản QPPL hoặc quyết định công bố TTHC có hiệu lực thi hành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong vòng 45 ngày: 0,5 - Trong vòng 90 ngày: 0,25 - Quá 90 ngày: 0 	3	4	5	6	7	8		
7.4.5	<p>Thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 sau các lần đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện: 0,5 - Không thực hiện: 0 <p>Bảo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào hoạt động quản lý của cơ quan, đơn vị</p> <p>Thực hiện đúng thời gian quy định: 1</p> <p>Thực hiện không đúng thời gian hoặc không có báo cáo: 0</p>	1							
II	ĐIỂM THƯƠNG	5							
1	Kết quả tự chấm điểm chỉ số CCHC hằng năm chính xác	1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	100% và gửi kết quả tự chấm đúng thời gian hướng dẫn của Sở Nội vụ						
2	Trong năm không có hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn dưới bất kỳ hình thức nào (qua kiểm tra trên phần mềm Hệ thống tổng hợp thông tin Một cửa tỉnh Gia Lai và qua kiểm tra thực tế của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát...)	1					
3	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5	1					
4	Có rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm TTHC thuộc thẩm quyền thực hiện của cơ quan, đơn vị	1					
5	100% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1					
III	ĐIỂM TRỪ	5					
1	Có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng hoặc đúng một phần	1					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Điểm đạt được	Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH				
2	3	4	5	6	7	8		
2	1							
3	1							
4	1							
5	1							
IV	30							
1	2							
2	2							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2 truyền, phổ biến đến người dân...)	3	4	5	6	7	8
3	Tiến độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của cơ quan, đơn vị	2					
4	Số lần phải liên hệ với cơ quan tiếp nhận để hoàn thiện hồ sơ TTHC	2					
5	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC cơ quan, đơn vị cung cấp	2					
6	Tình chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin TTHC được niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị	2					
7	Tình công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC tại cơ quan, đơn vị	2					
8	Thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC	2					
9	Năng lực giải quyết hồ sơ, TTHC của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2					
10	Thời gian trả kết quả giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC so với quy định	2					
11	Sự phù hợp với pháp luật của kết quả giải quyết TTHC và chi phí thực hiện TTHC; các chi phí phát sinh ngoài quy	2					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Điểm đạt được	Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH				
định của pháp luật khi thực hiện các TTHC	3	4	5	6	7	8		
2								
12	2							
Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân của công chức giải quyết hồ sơ TTHC	2							
13	2							
Thời gian và chất lượng ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân	2							
14	2							
Có thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn	2							
15	2							
Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của cơ quan, đơn vị	2							
TỔNG ĐIỂM								
	100							

Bảng 2

Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thị xã, thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2018 của UBND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
I	ĐIỂM ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CCHC	65					
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	11					
I.1	Kế hoạch CCHC	2					
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1					
	Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 1						
	Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0						
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC (căn cứ sản phẩm đầu ra đạt được theo kế hoạch của địa phương)	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	3					
	Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, năm về CCHC: 1						
	Báo cáo năm về kiểm tra, rà soát VBQPPL: 0.5						
	Báo cáo năm về theo dõi thi hành pháp luật: 0.25						



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	2	3	4	5	6	7	8
	Báo cáo năm về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: 0.25						
	Báo cáo định kỳ hàng quý, năm về kết quả ứng dụng CNTT: 1						
1.3	Công tác kiểm tra CCHC	2					
1.3.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra trong năm	1					
	Từ 30% số đơn vị trở lên: 1						
	Dưới 30% số đơn vị: 0						
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1					
	100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5						
	Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2					
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
1.4.2	Thực hiện các hình thức tuyên truyền CCHC	1					
	Thực hiện đầy đủ việc tuyên truyền trên các kênh truyền						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	thông của cấp huyện: 0.5						
	Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác về CCHC: 0.5						
1.5	Thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh hoặc UBND tỉnh giao	1					
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ được giao, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định: 1						
	Hoàn thành 100% số nhiệm vụ được giao nhưng có nhiệm vụ hoàn thành muộn so với tiến độ: 0.5						
	Hoàn thành dưới 100% số nhiệm vụ được giao: 0						
1.6	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng trên địa bàn tỉnh mang lại hiệu quả trong công tác CCHC của tỉnh	1					
	Có đề xuất giải pháp, cách làm mới: 1						
	Không đề xuất: 0						
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TẠI ĐỊA PHƯƠNG	5					
2.1	Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL)	3					
2.1.1	Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	1					
	Thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật: 0.25						
	Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 0.25						



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	2	3	4	5	6	7	8
	Điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 0.5						
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch TDTHPL	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành dưới 100% kế hoạch: 0						
2.1.3	Xử lý kết quả TDTHPL	1					
	Ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 1						
	Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý/kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền: 0						
2.2	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1					
	100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
2.3	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1					
	Từ 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 1						
	Dưới 100% số văn bản được xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
3	CÀI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	15.5					
3.1	Rà soát, đánh giá TTHC	1.5					
	Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của UBND cấp huyện	0.5					
3.1.1	Có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và có ban hành						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0.5						
	Không có văn bản đăng ký rà soát, đánh giá TTHC và không ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đúng nội dung, thời gian quy định: 0						
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch	0.5					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành từ 70% - 100% kế hoạch: 0.25						
	Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0						
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát TTHC	0.5					
	100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.5						
	Từ 70% - dưới 100% vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0.25						
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý/kiến nghị xử lý: 0						
3.2	Công khai thủ tục hành chính	1.5					
3.2.1	Niên yết, công khai danh mục TTHC được thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận Một cửa)	1					
	Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết, Danh mục						



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	2	3	Điểm đánh giá thực tế				8
			4	5	6	7	
		Điểm tối đa	Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	Chỉ số
<p>TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích, Danh mục TTHC không thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích: 0.5</p> <p>Hộp thư góp ý: 0.5</p>							
<p>3.2.2 Công khai TTHC trên Cổng/Trang thông tin điện tử của UBND cấp huyện</p> <p>100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0.5</p> <p>Dưới 100% số TTHC được đăng tải đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0</p>		0.5					
<p>3.3 Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</p>		1.5					
<p>3.3.1 Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện theo cơ chế một cửa</p> <p>100% số TTHC: 0.5</p> <p>Dưới 100% số TTHC: 0</p>		0.5					
<p>3.3.2 Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các</p>		1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	cấp chính quyền						
	Từ 30 TTHC trở lên: 1						
	Từ 20 - 29 TTHC: 0.5						
	Từ 10 - 19 TTHC: 0.25						
	Dưới 10 TTHC: 0						
3.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	2					
	100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn:						
	2						
	Từ 95% - dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 1						
	Từ 70% - dưới 95% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0.5						
	Dưới 70% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0						
3.5	Thực hiện chính sách, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2.5					
3.5.1	Bổ trí công chức; thực hiện chế độ phụ cấp; đồng phục và	0.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	3	4	5	6	7	8	
đeo thẻ công chức đối với công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định							
Thực hiện đúng theo quy định: 0.5							
Không thực hiện đúng theo quy định: 0							
3.5.2	1						
Trang thiết bị cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã							
Đáp ứng nhu cầu làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin: 1							
Không đáp ứng: 0							
3.5.3	1						
Tỷ lệ TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử							
100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 1							
Dưới 100% TTHC được đưa vào xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử: 0							
3.6	2						
Thực hiện các biểu mẫu theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã							
3.6.1	1						
Thực hiện đúng các biểu mẫu, sổ quản lý hồ sơ (hoặc phần							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2 mềm theo dõi) theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả <i>Thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	3	4	5	6	7	8
3.6.2	Việc cập nhật thông tin vào các biểu mẫu, số quản lý hồ sơ (hoặc phần mềm theo dõi) <i>Đầy đủ, chính xác: 0.5</i> <i>Chưa đầy đủ, chính xác: 0</i>	0.5					
3.6.3	Tiếp nhận đúng các thành phần hồ sơ như TTHC đã niêm yết, công khai <i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	0.5					
3.7	<i>Thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với trường hợp hồ sơ quá hạn giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (nếu có) 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 1</i> <i>Dưới 100% hồ sơ quá hạn giải quyết có văn bản xin lỗi: 0</i>	1					
3.8	<i>Trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã trong việc triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông</i>	1.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
3.8.1	Hoàn thiện quy chế hoạt động tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã <i>Kịp thời rà soát các quy định và hoàn thiện quy chế của địa phương: 0.5</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	0.5	3	4	5	6	7	8
3.8.2	Công khai các chuẩn mực, các quy định hành chính, công bố phí, lệ phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã tạo điều kiện cho tổ chức, công dân giám sát <i>Thực hiện đầy đủ: 1</i> <i>Không thực hiện đầy đủ: 0</i>	1						
3.9	<i>Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã</i>	2						
3.9.1	Thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã <i>Niêm yết công khai nội dung hướng dẫn và đường dây nóng; thực hiện tiếp nhận PAKN của công dân, tổ chức đúng quy định: 1</i>	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
3.9.2.	<p>Không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ, không đúng quy định hoặc không thực hiện việc tiếp nhận PAKN: 0</p> <p>Xử lý, giải quyết PAKN của cá nhân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã</p> <p>100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 1</p> <p>Dưới 100% số PAKN được xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý: 0</p>	1					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	6.5					
4.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	2.5					
4.1.1	Thực hiện các quy định của Trung ương và của tỉnh về tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	1					
	Thực hiện đúng quy định: 1						
	Thực hiện chưa đúng quy định: 0						
4.1.2	Hoàn thiện quy chế làm việc của UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	0.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	3	4	5	6	7	8	
<i>Có quy chế làm việc phù hợp với quy định pháp luật và hiện trạng cơ cấu tổ chức, nhân sự: 0.5</i>							
<i>Có quy chế làm việc nhưng phân công trách nhiệm lãnh đạo chưa rõ: 0.25</i>							
<i>Không thực hiện: 0</i>							
4.1.3	1						
Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện							
<i>Thực hiện đúng quy định: 1</i>							
<i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>							
4.2	3						
<i>Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao</i>							
4.2.1	1						
Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính							
<i>Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 1</i>							
<i>Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: 0</i>							
4.2.2	1						
Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh							
<i>Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao: 1</i>							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao: 0						
4.2.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch tình gián biên chế của UBND cấp huyện	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Không hoàn thành 100% kế hoạch: 0						
4.3	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do UBND tỉnh ban hành thuộc chức năng quản lý của UBND cấp huyện	1					
	Thực hiện đầy đủ các quy định: 1						
	Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0						
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	7.5					
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2					
5.1.1	UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1					
	Không có tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 1						
	Còn tình trạng ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, nghiệp vụ: 0						
5.1.2	Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện bố trí viên chức	1					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
		Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	3	4	5	6	7	8	
theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt							
Đã xây dựng Đề án điều chỉnh, tinh giản vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 0.25							
80% đơn vị đã hoàn thiện mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt: 0.5							
Bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0.25							
Bổ trí viên chức chưa đúng vị trí việc làm được phê duyệt: 0							
5.2	1						
Thực hiện quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện							
100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 1							
Dưới 100% số lãnh đạo được bổ nhiệm đúng quy định: 0							
5.3	1						
Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm sau khi có kết luận vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền							
Xử lý, khắc phục kịp thời: 1							
Xử lý, khắc phục chưa kịp thời: 0							
5.4	1.5						
Đánh giá, phân loại công chức, viên chức							
5.4.1	0.5						
Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức và báo cáo đúng thời gian quy định							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
	Thực hiện đúng quy định: 0.5						
	Không thực hiện đúng quy định: 0						
5.4.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1					
	Trong năm không có cán bộ, công chức làm việc tại cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0.5						
	Trong năm không có cán bộ, công chức, cấp xã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên: 0.5						
5.5	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVN của UBND cấp huyện	1					
	Hoàn thành 100% kế hoạch: 1						
	Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 0.5						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
5.6	Cán bộ, công chức cấp xã	1					
5.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ cấp xã	0.5					
	100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5						
	Dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0						
5.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của công chức cấp xã	0.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
1	2	3	4	5	6	7	8	
	100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5							
	Dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0							
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	4.5						
6.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ	1						
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 1							
	Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý sử dụng tài sản công: 0							
6.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức khoa học và công nghệ công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; Nghị định số 115/2007/NĐ-CP; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định số 141/2016/NĐ-CP; Nghị định số 54/2016/NĐ-CP	1						
	100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: 1							

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
6.3	<p>Dưới 100% số đơn vị triển khai thực hiện và có ban hành quy chế chỉ tiêu nội bộ: 0</p> <p>Báo cáo quyết toán và báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện</p> <p>Đủ số lượng và đảm bảo về nội dung và thời gian theo quy định: 1</p> <p>Không đủ số lượng hoặc không đảm bảo về nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</p>	1					
6.4	<p>Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm</p> <p>Thực hiện đúng thời gian quy định: 1</p> <p>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời gian quy định: 0</p>	1					
6.5	<p>Quản lý, sử dụng kinh phí hành chính</p> <p>Thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0.5</p> <p>Không thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng kinh phí hành chính: 0</p>	0.5					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	2	3	4	5	6	7	8
	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	15					
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của địa phương	3.5					
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1					
	Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1,00}{100\%} \right]$						
	Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0						
7.1.2	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử và được ký chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ	1					
	100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 1						
	Từ 90% - dưới 100% số văn bản (trừ văn bản Mật): 0.5						
	Dưới 90% số văn bản: 0						
7.1.3	Chất lượng Công/Trang thông tin điện tử của địa phương	1					
	Thông tin kịp thời, đầy đủ: 1						
	Thông tin không kịp thời, không đầy đủ: 0						
7.1.4	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	0.5					
	100% cấp xã đã kết nối liên thông tới cấp tỉnh: 0.5						
	Dưới 100% cấp xã đã kết nối liên thông: 0						
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	3.5					

STT-	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5					
	Từ 80% số TTHC trở lên cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.5						
	Từ 60% - dưới 80% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0.25						
	Dưới 60% số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ: 0						
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1					
	Từ 40% số hồ sơ TTHC trở lên: 1						
	Từ 20% - dưới 40% số hồ sơ TTHC: 0.5						
	Dưới 20% số hồ sơ TTHC: 0						
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1					
	Từ 30% số hồ sơ TTHC trở lên: 1						
	Từ 10% - dưới 30% số hồ sơ TTHC: 0.5						
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC: 0						
7.2.4	Các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 được tích hợp tập trung vào Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (http://dvc.gialai.gov.vn)	1					
	Có tích hợp tập trung: 1						



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

		Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	Không tích hợp tập trung: 0	3	4	5	6	7	8	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	3						
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1						
	Từ 70% số TTHC trở lên có phát sinh hồ sơ: 1							
	Từ 50% - dưới 70% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0.5							
	Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ: 0							
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1						
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{10\%} \right]$							
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1						
	Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 1							
	Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00)/(15\%)]$							
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	5						
7.4.1	Thực hiện triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2 tài tất cả các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	3	4	5	6	7	8
7.4.2	Thực hiện việc công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của địa phương	0.5					
7.4.3	Thực hiện áp dụng và duy trì tốt Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 vào hoạt động, gồm 4 hoạt động: + Ban hành mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tổ chức hoạt động đánh giá nội bộ định kỳ theo quy trình đánh giá nội bộ đã xây dựng: 0,25; + Đánh giá thực hiện mục tiêu chất lượng: 0,25; + Tiến hành xem xét của lãnh đạo hàng năm: 0,25.	1					
7.4.4	Việc kiểm soát, vận hành Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 Thực hiện đầy đủ việc rà soát, sửa đổi, bổ sung cập nhật quy trình giải quyết thủ tục hành chính, kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật hoặc quyết định công bố thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành: + Trong vòng 45 ngày: 0,5 + Trong vòng 90 ngày: 0,25 + Quá 90 ngày: 0	1					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
	2	3	4	5	6	7	8	
7.4.5	<p>Thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 sau các lần đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo và cuộc kiểm tra, giám sát của các Đoàn kiểm tra:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã thực hiện: 0,5 - Không thực hiện: 0 	1						
7.4.6	<p>Bảo cáo hàng năm việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 vào hoạt động quản lý của UBND cấp huyện (tổng hợp cả cấp xã)</p> <p>Thực hiện đúng thời gian quy định: 1</p> <p>Thực hiện không đúng thời gian hoặc không có báo cáo: 0</p> <p>Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố ISO 9001 theo quy định</p> <p>100% cấp xã đã công bố: 0.5</p> <p>Dưới 100% cấp xã: 0</p>	0.5						
II	ĐIỂM THƯỜNG	5						
I	Kết quả tự chấm điểm chỉ số CCHC hằng năm chính xác 100% và gửi kết quả tự chấm đúng thời gian hướng dẫn của Sở Nội vụ	1						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2	3	4	5	6	7	8
2	Trong năm không có hồ sơ, TTHC giải quyết trễ hạn dưới bất kỳ hình thức nào (qua kiểm tra trên phần mềm Hệ thống tổng hợp thông tin Một cửa tỉnh Gia Lai và qua kiểm tra thực tế của các Đoàn thanh tra, kiểm tra, giám sát...)	1					
3	Kết quả quản lý, điều hành của người đứng đầu UBND cấp huyện trong việc đạt điểm tối đa các tiêu chí 1.1; 1.2; 1.3; 1.4; 1.5	1					
4	Đã triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3	0.5					
5	100% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	1					
6	Đã triển khai mô hình một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại đến 100% cấp xã	0.5					
III	ĐIỂM TRỪ	5					
1	Có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về kết quả giải quyết công việc, TTHC, thái độ, hành vi gây phiền hà, những nhiễu, chậm trễ của cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền xử lý đúng hoặc đúng một phần	1					
2	Phối hợp giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông không đảm bảo thời hạn quy định	1					



Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần

	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế					Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được		
2	Dưới 100% các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã cập nhật, công khai, niêm yết đầy đủ các TTHC và thông tin tiếp nhận phản ánh, kiến nghị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên Công/Trang thông tin điện tử	3	4	5	6	7	8	
3	Có từ 01 hồ sơ TTHC trở lên trong năm giải quyết trễ hạn nhưng không thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, cá nhân	1						
4	Có lĩnh vực, hồ sơ TTHC còn tiếp nhận tại phòng chuyên môn không qua Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	1						
5	ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC	30						
1	Đánh giá về công tác chỉ đạo, đôn đốc và tính kịp thời của các văn bản chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các nhiệm vụ CCHC của người đứng đầu địa phương	2						
2	Đánh giá về mức độ kịp thời, đầy đủ và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Công/Trang thông tin điện tử của địa phương và sự thuận tiện trong việc tìm hiểu thông tin để giải quyết hồ sơ, TTHC (tuyên truyền, phổ biến đến người dân...)	2						
3	Tiền độ và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến của	2						

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chỉ số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
1	2 địa phương	3	4	5	6	7	8
4	Số lần phải liên hệ với cơ quan tiếp nhận để hoàn thiện hồ sơ TTHC	2					
5	Sự đơn giản, dễ thực hiện đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC cơ quan, đơn vị cung cấp	2					
6	Tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của thông tin TTHC được niêm yết, công khai tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của địa phương	2					
7	Tính công khai, minh bạch trong giải quyết hồ sơ TTHC tại địa phương	2					
8	Thái độ ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC	2					
9	Năng lực giải quyết hồ sơ, TTHC của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	2					
10	Thời gian trả kết quả giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC so với quy định	2					
11	Sự phù hợp với pháp luật của kết quả giải quyết TTHC và chi phí thực hiện TTHC; các chi phí phát sinh ngoài quy định của pháp luật khi thực hiện các TTHC	2					
12	Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	2					



	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đánh giá thực tế				Chi số
			Tự đánh giá	Hội đồng đánh giá	Điều tra XHH	Điểm đạt được	
	2	3	4	5	6	7	8
	của công chức giải quyết hồ sơ TTHC						
13	Thời gian và chất lượng ý kiến giải trình của cơ quan có thẩm quyền, cán bộ, công chức, viên chức đối với các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân	2					
14	Có thực hiện văn bản xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn	2					
15	Đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, người dân về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công của địa phương	2					
	TỔNG ĐIỂM	100					

AB